

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần : Pháp văn tăng cường 3 (Intensive French 3)

- Mã số học phần : FL006
- Số tín chỉ học phần : 04 tín chỉ.
- Số tiết học phần : 60 tiết lý thuyết và 120 tiết tự học.

### 2. Đơn vị phụ trách học phần :

- Bộ môn : Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp
- Khoa : Khoa Ngoại Ngữ.

### 3. Điều kiện tiên quyết : Pháp văn căn bản 5

### 4. Mục tiêu của học phần :

**4.1. Kiến thức :** Sau khóa học, sinh viên sẽ đạt được những kiến thức sau đây :

- 4.1.1. Vận dụng kiến thức về giao tiếp đã học để giao tiếp trong các tình huống thường gặp trong cuộc sống liên quan đến việc diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen và động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác. Ngoài ra người học còn có thể vận dụng những kiến thức đã học để diễn đạt việc dự báo một sự kiện, nói về hậu quả, ước muốn, nghi ngờ cũng như sự đồng thuận hay không đồng thuận đối với một sự việc;
- 4.1.2. Vận dụng kiến thức về từ vựng trong các bài đã học về công nghệ, phương tiện thông tin đại chúng, du lịch, tình cảm, chính trị và tiền bạc... để thực hiện mục tiêu giao tiếp trong các tình huống trong cuộc sống hàng ngày;
- 4.1.3. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp về thì tương lai gần, tương lai đơn, thì quá khứ hoàn thành, đại từ bỏ ngữ trực tiếp, gián tiếp, câu tường thuật, thức chủ quan và các cách diễn đạt về thời gian, hệ quả, đối lập và nhượng bộ để diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen và động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác;
- 4.1.4. Phát âm chính xác các âm [r]/[l], [e]/[ɛ], [e], nhấn giọng, các nhóm ngữ điệu diễn đạt tình cảm, sự đối lập, nhấn mạnh... khi nói để truyền tải tốt những thông tin qua lời nói nhằm thực hiện đúng ý định giao tiếp.

**4.2. Kỹ năng :** Sau khóa học, sinh viên đạt được những kỹ năng sau :

4.2.1. **Kỹ năng NGHE :** có thể nghe và nhận biết nội dung chính trong :

- 4.2.1.1. Một buổi phát sóng, một cuộc phỏng vấn trên radio và truyền hình;
- 4.2.1.2. Các bài nói về du lịch;
- 4.2.1.3. Các đoạn nói về việc thăm dò dự luận, bầu cử tại Pháp;
- 4.2.1.4. Các các tình huống giao tiếp hàng ngày về công việc, gia đình.

4.2.2. **Kỹ năng NÓI :** có thể thực hiện giao tiếp trong những tình huống dưới đây :

- 4.2.2.1. Miêu tả những sự kiện và một vài vấn đề trong xã hội;
- 4.2.2.2. Nói về các phương tiện thông tin đại chúng (báo đài, mạng...);
- 4.2.2.3. Bàn về một chuyến du lịch, thói quen và các vấn đề trong khi du lịch;
- 4.2.2.4. Nói về các sự kiện quan trọng để có thể thành công trong cuộc sống;
- 4.2.2.5. Trình bày một dự định, những dự án có thể thực hiện trong tương lai.

4.2.3. **Kỹ năng ĐỌC :** có thể nhận biết nội dung, đoán thông tin các dạng bài :

- 4.2.3.1. Về quảng cáo, về các biểu ngữ;
- 4.2.3.2. Về giới trẻ, báo chí, tạp chí và các trang mạng;
- 4.2.3.3. Về những kỉ niệm trong những chuyến du lịch;
- 4.2.3.4. Về những bài thơ hay những bưu thiếp du lịch;
- 4.2.3.5. Về một bài báo ngắn.

4.2.4. **Kỹ năng VIẾT :** có thể viết những dạng bài sau :

- 4.2.4.1. Viết một thư điện tử để khiếu nại về một việc gì đó;
- 4.2.4.2. Viết một bài bình luận về một vấn đề trên truyền hình;
- 4.2.4.3. Viết về một câu chuyện khi đi du lịch;
- 4.2.4.4. Viết bưu thiếp;
- 4.2.4.5. Viết thư mời, thư cảm ơn.

**4.3. Thái độ :**

- 4.3.1. Tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm trong quá trình học tập trên lớp.
- 4.3.2. Tương tác, hỗ trợ nhau trong quá trình học tiếng Pháp và có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người.
- 4.3.3. Có tính kỷ luật, tự giác học ở nhà, hình thành và rèn luyện khả năng tự học.

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần :**

- Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.

## 6. Cấu trúc nội dung học phần :

Chương	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
<b>CHƯƠNG 7 : L’AIR DU TEMPS</b>	Bài 28 : La télé de demain	2	4.1.1 ; 4.2.1.1 ; 4.2.2.2 ; 4.2.3.2 ; 4.2.4.2 ; 4.3.
	La télé de demain (suite)	2	
	Bài 29 : Allô ! Tu es où ?	2	
	Allô ! Tu es où ? (suite)	2	
	Bài 30 : Situation de crise	2	
	Situation de crise (suite)	2	
	Bài 31 : Presse magazine	2	
	Presse magazine (suite)	2	
<b>CHƯƠNG 8 : BON VOYAGE</b>	Bài 33 : Ailleurs	2	4.1.3 ; 4.2.1.2 ; 4.2.2.1 ; 4.2.2.3 ; 4.2.3.1 ; 4.2.3.3 ; 4.2.4.3 ; 4.2.4.4 ; 4.3.
	Ailleurs (suite)	2	
	Bài 34 : Souvenir de voyage	2	
	Souvenir de voyage (suite)	2	
	Bài 35 : Album photos	2	
	Album photos (suite)	2	
	Bài 36 : La poésie des villes	2	
	La poésie des villes (suite)	2	
<b>CHƯƠNG 9 : VOUS VOULEZ MON AVIS ?</b>	Bài 38 : C’est quoi le bonheur ?	2	4.1; 4.2.1.3 ; 4.2.1.4 ; 4.2.2.4 ; 4.2.2.5 ; 4.2.3.5 ; 4.2.4.1 ; 4.2.4.5 ; 4.3.
	C’est quoi le bonheur ? (suite)	2	
	Bài 39 : A voté !	2	
	A voté ! (suite)	2	
	Bài 40 : Votre avis nous intéresse	2	
	Votre avis nous intéresse (suite)	2	
	Bài 41 : Questions de valeurs	2	
	Questions de valeurs (suite)	2	
Bài 42 : Prévention contre le tabagisme	2		
	Prévention contre le tabagisme (suite)		2

### 7. Phương pháp giảng dạy :

- Trình bày các chủ đề trong bài học, cung cấp từ vựng, tổ chức thực hành nghe nói theo chủ đề bài học theo cặp, nhóm.

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên : Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau :

- Tham gia vào các hoạt động học trên lớp và tham gia thảo luận theo đôi, nhóm.
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên :

9.1. Cách đánh giá : Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau :

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự trên 80% số tiết học và hoàn thành phần tự học.	10%	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2; 4.3.
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi NÓI.	20%	4.1.1; 4.2.2; 4.3.
3	Điểm thi kết thúc học phần	Thi NGHE – ĐỌC HIỂU – VIẾT.	70%	4.1; 4.2.1; 4.2.3; 4.3.

### 9.2. Cách tính điểm :

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

### 10. Tài liệu học tập :

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
Menand R., Berthet A., Kizirian V., 2009, <i>Le nouveau Taxi 2</i> , Hachette, Paris, 144p.	

Barféty M., Beaujouin P., 2005, <i>Compréhension oral 2</i> , CLE International, Paris, 128p.	
Barféty M., Beaujouin P., 2005, <i>Expression orale 2</i> , CLE International, Paris, 124p.	
Akyüz A. et al. 2000, <i>Exercices de grammaire en contexte : Niveau intermédiaire</i> , Hachette, Paris, 144p.	
Bloomfield A., Mubanga Beya A., 2006, <i>Delf B1 : 200 activités</i> , CLE International, Paris, 159p.	
Chevallier-Wixler D. et al. 2006, <i>Réussir le Delf B1</i> , Didier, Paris, 146p.	
Kober-Kleinert C., Parizet M-L., 2012, <i>abc Delf B1 : 200 exercices</i> , CLE International, Paris, 175p.	

## 11. Hướng dẫn sinh viên tự học :

Tuần	Tên bài	Lý thuyết (tiết)	Mục tiêu/Nội dung học
1	Bài 28 : La télé de demain	8	Hoàn thành bài tập U7, leçon 28 : CO2, EO6, Prononcez.pp.76-77. 4.1.1; 4.1.3; 4.1.4; 4.2.1.1.
2	Bài 29 : Allô ! Tu es où ?	8	Hoàn thành bài tập U7, leçon 29 : CO1, EO5, Prononcez pp.78-79. 4.1.1; 4.1.4; 4.2.1.1; 4.2.3.1.
3	Bài 30 : Situation de crise	8	Hoàn thành bài tập U7, leçon 30 : CO2, EO5, Prononcez pp.80-81. 4.1.3; 4.2.1.1; 4.2.3.2; 4.2.4.2.
4	Bài 31 : Presse de magazine	8	Hoàn thành bài tập U7, leçon 31 : CE1, EO3, EE4 pp.82-83. 4.1.1; 4.2.2.2; 4.2.3.2; 4.2.4.2.
5	Bài 32 : Bande-annonce de Match TV	8	Ôn tập lại nội dung đã học của U7 và kiểm tra các kỹ năng EO, EE, CO, CE pp.83-84. 4.1; 4.2.1.1; 4.2.2.2; 4.2.4.2.
6	Bài 33 : Ailleurs	8	Hoàn thành bài tập U8, leçon 33 : CO2, EO5, Prononcez pp.86-87. 4.1.2; 4.1.4; 4.2.1.2; 4.2.2.3.
7	Bài 34 : Souvenir de voyage	8	Hoàn thành bài tập U8, leçon 34, pp.88-89 ; Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ. 4.1.1; 4.1.4; 4.2.1.2; 4.2.3.3.

8	Bài 35 : Album de photos	8	Hoàn thành bài tập U8, leçon 35 : CO3, EO5, Prononcez pp.90-91. 4.1.3; 4.2.1.2; 4.2.2.1; 4.2.3.3.
9	Bài 36 : La poésie des villes	8	Hoàn thành bài tập U8, leçon 36 CE2, EO3, EE4, pp.92-93. 4.1.2; 4.2.1.2 ; 4.2.3.3; 4.2.4.3.
10	Bài 37 : Les aventures du capitaine Charcot	8	Ôn lại nội dung của U8 pp.62-63, làm bài tập thêm về các kỹ năng. 4.1; 4.2; 4.3.
11	Bài 38 : C'est quoi le bonheur ?	8	Hoàn thành bài tập U9, leçon 38 : CO3, EO5, Prononcez pp.96-97. 4.1.1; 4.2.1.3; 4.2.2.4; 4.2.3.5.
12	Bài 39 : À voté !	8	Hoàn thành bài tập U9, leçon 39 : CO2, EO5, Prononcez pp.98-99. 4.1.2; 4.2.1.3; 4.2.2.5; 4.2.3.5.
13	Bài 40 : Votre avis nous intéresse	8	Hoàn thành bài tập U9, leçon 40 : CO1, EO6, Prononcez pp.100-101 ; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1.5; 4.2.2.5.
14	Bài 41 : Questions de valeurs	8	Hoàn thành bài tập U9, leçon 41 : CE2, EO3, EE5 pp.102-103. 4.1.1; 4.2.1.4; 4.2.2.5; 4.2.3.5; 4.3.
15	Bài 42 : Prévention contre le tabagisme	8	Làm bài tập ôn và thi hết học phần. pp.104-105. 4.1; 4.2; 4.3.

Cần Thơ, ngày 22 tháng 07 năm 2015

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**